

VÙNG ĐẤT BÌNH DƯƠNG BUỔI ĐẦU KHAI PHÁ TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XIX

Nguyễn Đình Cơ(*)

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bình Dương xưa là tổng Bình An, một trong những địa bàn định cư đầu tiên của người Việt trên chặng đường tiến xuống Phương Nam. Trải qua quá trình lịch sử, vùng đất này ngày càng được khai phá, mở rộng, thiết lập thôn xóm và từng bước định hình trên bản đồ Nam Kỳ lục tỉnh nói riêng, cũng như Đại Nam nói chung. Bài viết ngắn này bước đầu phác thảo một vài nét về quá trình người Việt, sau đó là người Hoa và các cộng đồng cư dân khác đến định cư, khai hoang vỡ đất, trồng trọt, phát triển các ngành nghề thủ công và buôn bán từ thời kỳ chúa Nguyễn (thế kỷ XVII) cho đến khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Nam Kỳ (1859). Dưới thời kỳ thuộc địa (cuối thế kỷ XIX), Thực dân Pháp đã có sự điều chỉnh quan trọng về địa giới hành chính và tên gọi tạo nên sự chuyển biến cho vùng đất Bình An – Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương).

1. Quá trình khai phá vùng đất Bình Dương thế kỷ XVI-XVIII

Bình Dương xưa là một vùng đất cổ, nơi có dấu tích con người định cư từ rất sớm. Những di tích khảo cổ học hiện nay khai quật được ở Bình Dương như: Cù Lao Rùa (Thanh Hội, Tân Uyên), Dốc Chùa (Tân Mỹ, Tân Uyên), Phú Chánh (Tân Uyên)¹... đã minh chứng cho điều này. Ở những thế kỷ đầu công nguyên, vùng đất Bình Dương xưa

¹(*) **ThS. Trường Cđsp Trung ương thành phố Hồ Chí Minh. Email: nguyendinhco1985@gmail.com**

Các di tích khảo cổ học ở Bình Dương chủ yếu nằm ở địa bàn huyện Tân Uyên, dọc theo lưu vực sông Đồng Nai. Qua các di chỉ khai quật được, chứng tỏ cách đây hàng ngàn năm, con người nguyên thủy đã sinh sống và phát triển trên địa bàn Bình Dương. Cũng trên đất Bình Dương vào thời đại kim khí cách ngày nay khoảng 3.000 – 2.500 năm, cư dân tiền sử Bình Dương với những mốc phát triển trên đây là một bộ phận của chủ nhân của văn hoá Đồng Nai, một trong ba nền văn hoá kim khí nổi tiếng của Việt Nam (cùng Đông Sơn, Sa Huỳnh).

(và cả Nam Bộ) là một bộ phận của đế chế Phù Nam phát triển cường thịnh ở khu vực Đông Nam Á.

Thế kỷ VII, vương quốc cổ Phù Nam suy yếu. Lợi dụng cơ hội này, Chân Lạp (Chenla) vốn là thuộc quốc của Phù Nam đã tấn công và thôn tính đất đai của vương quốc này (trong đó có vùng đất nay là Nam bộ). Tuy nhiên do đặc tính cư trú và sản xuất không phù hợp nên trong suốt 10 thế kỷ (thế kỷ VII cho tới thế kỷ XVI), vùng đất Nam bộ về cơ bản vẫn là một vùng đất rất hoang sơ, chưa được mở mang, khai phá nhiều. Ngay trong giai đoạn đỉnh cao của thời đại Ăngco huy hoàng (thế kỷ XIII), theo mô tả của Chu Đạt Quan một sứ thần nhà Nguyên được cử sang giao thiệp với Chân Lạp (năm 1296), thì: “*Bắt đầu vào Chân Bô (vùng biển Vũng Tàu ngày nay), gần hết cả vùng đều là bụi rậm của rừng thấp, những cửa rộng của con sông lớn chảy dài hàng trăm dặm, bóng mát um tùm của những gốc cổ thụ và cây mây dài tạo thành nhiều chỗ trú sum suê. Khắp nơi vang tiếng chim hót và tiếng thú kêu. Vào nửa đường trong sông, thấy những cánh đồng hoang không có một gốc cây. Xa nửa tầm mắt chỉ thấy toàn cỏ cây đầy rẫy. Hàng trăm, hàng nghìn trâu rừng tụ họp từng bầy. Tiếp đó nhiều con đường dốc đầy tre chạy dài hàng trăm dặm*”². Đến thế kỷ XVII, vùng đất này càng trở nên hoang vu hơn do sự suy yếu của chính quyền Chân Lạp. Sự bất ổn trong nội bộ khiến cho triều đình Chân Lạp không thể với tay cai quản vùng đất Thủy Chân Lạp (tương ứng với Nam bộ ngày nay). Ở thế kỷ XVIII, Lê Quý Đôn đã ghi lại rằng: “*Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các biển Cần giờ, Lôi Lạp, Cửa Đại, cửa Tiểu trở vào, toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm*”³. Rõ ràng, Nam bộ là một vùng đất được quản lý lỏng lẻo, gần như là “*vô chủ*” trước khi cư dân người Việt đặt chân đến khai phá. Ở vùng đất nay là Đông Nam bộ cũng không ngoại lệ, cảnh rừng rậm hoang dã càng trở nên phổ biến hơn. Vùng đất dọc theo sông Sài Gòn từ Bến Cát đến Lái Thiêu còn là vùng đất hoang hóa, chủ yếu là đầm lầy. Đến đầu thế kỷ

² Chu Đạt Quan, (2006). *Chân Lạp phong thổ ký*. Hà Nội: Nxb Thế giới, tr.80

³ Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Viện Sử học dịch. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội, tr.243

XVII, vùng đất Bình Dương vẫn chưa có người người Việt đến cư trú, khai khẩn đất đai. Riêng vùng Phú Văn, Gò Đậu, cảnh quan chỉ là những bụi rậm nhiều gai góc và dây leo chằng chịt. Cây dầu cổ thụ phủ kín cả mấy ngọn đồi Phú Cường và Bà Lụa. Cả vùng Chánh Nghĩa hiện nay, đặc biệt là vùng ven sông (Xóm Guốc, Phú Thọ...) chỉ là những bãi lầy, ngập nước, hình thành dần do phù sa sông Sài Gòn bồi đắp⁴. Các khu vực khác như Dĩ An, Bình Nhâm, Lái Thiêu... cảnh quan cũng tương tự.

Đến giữa thế kỷ XVII, bằng nhiều con đường khác nhau, chủ yếu là theo đường biển, lưu dân người Việt từ vùng Thuận Quảng đã đặt chân lên vùng đất Mô Xoài (Bà Rịa) và Đồng Nai từ đó tỏa đi khai khẩn đất đai, lập làng xóm khắp vùng đất Đông Nam Bộ rồi tiến xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long phì nhiêu. *“Lúc ấy địa đầu của Gia Định là Mô Xoài và Đồng Nai (nay là trấn Biên Hòa) tại hai xứ ấy có dân nước ta đến cùng với dân Cao Miên khai khẩn ruộng đất. Người Cao Miên rất khâm phục uy đức của triều đình, họ đem nhượng đất ấy rồi kéo nhau tránh đi nơi khác, chẳng dám tranh chấp điều gì”*⁵. Họ tích cực khai phá đất đai, vỡ đất làm ruộng, kết thành xóm làng, tạo tiền đề cho quá trình nhà nước xác lập chủ quyền sau này.

Cũng trong thời gian này, lưu dân người Việt đã đến khai khẩn đất hoang ở vùng đất nay thuộc Bình Dương. Đầu tiên người Việt đến định cư ở vùng Lái Thiêu, trung tâm là Bình Nhâm. Sau đó theo đường sông Sài Gòn, người Việt đã đổ vào vùng Thị Tính, Bến Thố, Tân An. Lực lượng lưu dân người Việt tiếp tục tăng lên ở cuối thế kỷ XVII. Các vùng đất màu mỡ ven sông Sài Gòn trở nên ngày càng đông đúc, chật hẹp. Từ Lái Thiêu

⁴ Huỳnh Ngọc Đáng (1990), *Phú Cường, Lịch sử văn hóa và truyền thống cách mạng*, Nhà in báo quân đội, tp Hồ Chí Minh, tr.10.

⁵ Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định Thành Thông Chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Tổng Hợp Đồng Nai, Tr. 109.

tiến lên, từ Thị Tính đổ xuống, dần dần vùng Phú Cường, Chánh Nghĩa, Phú Thọ trở thành vùng định cư của người Việt⁶.

Giữa thế kỷ XVII, chính quyền chúa Nguyễn cũng đẩy mạnh kế hoạch Nam tiến. Song song với việc mở mang vùng đất Nam Trung bộ để mở rộng xứ Thuận - Quảng, vùng đất Nam bộ cũng nằm trong tầm ngắm của các chúa Nguyễn.

Theo biên niên sử Campuchia thì vào năm 1620, một cuộc hôn nhân giữa Chey Chettha II và con gái chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên) đã được tổ chức, như là cái bắt tay về mặt chính trị giữa Chân Lạp và Đàng Trong. Adhemard Leclere cho biết: Chey chettha II lên ngôi đã cưới một cô công chúa của vua An Nam và được vị vua này giúp đỡ để chống lại sự đe dọa của Xiêm. Quan hệ bang giao giữa Đàng Trong và Chân Lạp được thiết lập⁷. J.Morau cho biết thêm: Prea Chey-chessda lên ngôi...khi đó vua nước An Nam (thực ra là chúa Nguyễn – NĐC chú) gả một người con gái cho nhà vua. Công chúa này rất đẹp, được nhà vua sủng ái và đưa lên ngôi hoàng hậu với tước hiệu Somdach-prea-peaccac-vodey-prea-voreac-khsatthey⁸. Cuộc hôn nhân giữa Chey Chettha II với con gái chúa Nguyễn Phúc Nguyên và sự thiết lập liên minh quân sự giữa Chân

⁶ Huỳnh Ngọc Đáng (1990), *Phú Cường, Lịch sử văn hóa và truyền thống cách mạng*, Nhà in báo quân đội, tp Hồ Chí Minh, tr.11.

⁷ “Chey-Choettha, à peine sur le trône du Cambodge, avait épousé, en 1620, une princesse d’Annam que le roi de ce pays lui avait envoyée. Il l’avait élevée à la dignité de reine sous le titre de sâmdach phéakavotey préah srey vor khsatrey (bhagavati brhat cri vara kshatryi). Cette princesse, qui était très belle sut si bien se faire aimer du roi et se faire écouter que c’est de son arrivée la cour qu’il faut dater les relations qui s’établirent entre les rois d’Annam et de Cambodge.” (A.Leclere (1914), *Histoire du Cambodge*, Paris: Bulletin de l'Ecole française d'Extrême - Orient Paris, p.339)

⁸ “En 1618, au mois de mars, Prea-Chey-chessda fut couronné sous le nom de Somdach-prea-chey-chesda-thireach-reamea-thupphdey-ba-rommopit. Il éleva Prea-outey, son frère, à la dignité d’obbarach. En cetemps-là, le roi d’Annam donna une de ses filles en mariage au roi du Cambodge. Cette princesse était très belle; elle parvint à se faire aimer du roi, qui la fit reine sous le nom de Somdach-prea-peaccac-vodey-prea-voreac-khsatthey” (J.Morau (1883), *Royaume de Cambodge*, Tome II, Paris, P.57-58)

Lạp – Đàng Trong được Cristophoro Bori (sống tại thị trấn Nước Mặn, Bình Định từ năm 1618 đến 1622) ghi lại trong hồi ký của mình: “*chúa Nguyễn phải lo việc tập trận và gửi quân sang giúp vua Campuchia – cũng là chàng rể lấy người con gái của chúa. Chúa viện trợ cho nhà vua cả tàu thuyền lẫn binh lính để chống lại vua Xiêm*”⁹. Các nhà nghiên cứu của Việt Nam trên cơ sở truy tìm tông tích bà công nữ trở thành hoàng hậu của Chân Lạp và khẳng định đó chính là Ngọc Vạn: chúa Sãi có 4 người con gái hai nàng Ngọc Liên và Ngọc Đĩnh thì chép rõ sự tích, chồng con, còn hai nàng Ngọc Khoa và Ngọc Vạn thì chép “*khuyết truyện*”¹⁰. Theo Phan Khoang thì: “*bà Hoàng hậu này đã mang theo nhiều người Việt đến, nhiều người được giữ chức vụ cao trong triều, bà lại lập một xưởng*

⁹ Cristophoro Bori (2014), *Xứ Đàng Trong 1621*, Hồng Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, chú thích, TP Hồ Chí Minh: Nxb TP Hồ Chí Minh, tr.84

¹⁰ Tuy nhiên tên của người Công nữ đó hiện nay vẫn có nhiều ý kiến tranh luận chưa thống nhất. Các bộ sử nhà Nguyễn không ghi chép, sự kiện này chủ yếu được biết đến qua biên niên sử Cao Miên. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đó là công nữ Ngọc Vạn, con gái thứ 3 của Nguyễn Phúc Nguyên. Thái Văn Kiểm [Thái Văn Kiểm (1960), *Đất Việt trời Nam*, Nguồn sống xb, Sài Gòn]: trên cơ sở phân tích các tài liệu biên niên sử Campuchia và Champa, đã ước đoán: chúa Sãi đã gả con gái lớn (Ngọc Vạn) cho vua Chân Lạp Chey Chettha II và công nữ Ngọc Khoa cho vua Chăm là Po Romé; Phan Khoang thì cho rằng có thể là Ngọc Vạn, hoặc Ngọc Khoa vì 2 công nữ này trong *Liệt truyện* chép khuyết truyện, nhưng vẫn nghiêng về Ngọc Vạn nhiều hơn [Phan Khoang (1967), *Việt sử: xứ Đàng Trong 1558-1777*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn]; Trong công trình mới xuất bản: “Đàng Trong thời chúa Nguyễn kinh tế, văn hóa, xã hội”, PGS Đỗ Bang cũng đồng thuận với quan điểm: Ngọc Vạn được gả cho Chey Chettha II; Nguyễn Đình Đầu trên cơ sở phân tích tư liệu của người Pháp và phán đoán cá nhân cho rằng: người con gái được gả cho vua Chân Lạp là con một lưu dân người Việt ở Campuchia [Nguyễn Đình Đầu, 1992, *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam kỳ lục tỉnh*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.]; Võ Vinh Quang thì cho rằng, công nữ Ngọc Vạn mất ở làng Dã Lê, hiện có bài vị thờ ở đó (Thừa Thiên - Huế) [Võ Vinh Quang, *Tổng Sơn quận chúa Ngọc Vạn, Huyền Trân công chúa của đất phương Nam*, Nghiencuuquocte.org, cập nhật ngày 11/3/2018]. Michael Arthur Aung-Thwin, Kenneth R. Hall cho là thuyết về người công nữ của chúa Sãi tên là Ngọc Vạn gả cho vua Cao Miên mới chỉ xuất hiện từ đầu thế kỷ XX, là sự sai sót của các nhà sử học Campuchia [Michael Arthur, Aung-Thwin, Kenneth R. Hall (2011), “New Perspectives on the History and Historiography of Southeast Asia: Continuing explorations”, *Routledge*, London & New York, p.157-166].

thợ và nhiều nhà buôn bán gần kinh đô”¹¹. Năm 1623, chúa Nguyễn cử một phái bộ đến Oudong yêu cầu được lập 2 sở thu thuế ở Prei Noko (Chợ Lớn) và Kas Krobei (Bến Nghé – Sài Gòn), và một khu dinh điền ở Mô Xoài đồng thời cử quan quân đến đây trấn giữ. Theo Henri Russier: Các đại sứ từ Huế, mang theo rất nhiều món quà, đã đến Oudong, nơi nhà vua cư ngụ. Họ xin phép vua Chân Lạp cho chính quyền Đàng Trong đưa nông dân và thương nhân đến định cư trong khu vực mà ngày nay là Sài Gòn, lúc đó là cuối phía nam của Chân Lạp. Hoàng hậu tha thiết xin chồng rằng yêu cầu của đồng bào đã được đón nhận và nhà vua Chey Chettha II cuối cùng đã nhượng bộ¹². Về vị trí cụ thể của 2 trạm thu thuế hiện nay vẫn chưa có sự thống nhất hoàn toàn trong giới nghiên cứu, nhưng một điều chắc chắn đó là 2 địa điểm trên bến dưới thuyền, thuận lợi cho việc buôn bán của người Việt¹³, và cũng từ đây người Việt cũng dễ dàng trong việc theo đường thủy để tỏa đi khắp vùng đất Nam Bộ (trong đó có vùng đất Bình Dương).

Mùa xuân năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn cử Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý vùng đất phương Nam. Nguyễn Hữu Cảnh đã đặt phủ Gia Định, dựng dinh Trấn Biên (Đồng Nai), dinh Phiên Trấn. Mỗi dinh đặt chức Lưu thủ, Cai bạ và Ký lục để

¹¹ Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong 1558 – 1777: cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Hà Nội: Nxb Văn học, tr.310

¹² “Dès 1623, des ambassadeurs venant de Hué et portant de riches présents arrivèrent à Oudong où résidait le roi : ils demandaient de la part du Seigneur du Sud l'autorisation d'installer des cultivateurs et des commerçants dans la région où se trouve aujourd'hui Saigon et qui constituait alors l'extrémité méridionale du Cambodge. La reine insista auprès de son mari pour que la demande de ses compatriotes fut bien accueillie et le roi Chey Chettah finit par céder: ce fut le premier empiètement des Annamites sur le territoire du Cambodge” (Henri Russier. (1914). *Histoire sommaire du royaume de Cambodge, des origines à nos jours*. Sai Gon: Imprimerie Commerciale C.Ardin, tr.83-85).

¹³ Nguyễn Đình Đầu dự đoán: “Sở thuế đó (Sài Gòn) tọa lạc trên đất chợ Cầu Kho (thuộc quận 1), ngay sát sông Sài Gòn cũ (mà Trịnh Hoài Đức ghi là sau đổi ra sông An Thông) tức rạch Bến Nghé nơi đầu đường Trần Đình Xu bây giờ... Đây xưa là kho Bồn trấn ở tại nên cũ kho Quân Thảo cách phía Nam thành 4 dặm rưỡi, năm Mậu Thân (1788) mở rộng thêm làm kho chung cho cả 4 trấn Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh và Định Tường để thu giữ thuế khóa, chi cấp lương bổng” (Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Nguyễn Công Bình (1987), *Địa chỉ văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, TP Hồ Chí Minh: Nxb Tp Hồ Chí Minh, tr.47)

điều hành. “Ngàn dặm đất đai, dân hơn 4 vạn hộ, chiêu mộ lưu dân từ châu Bồ Chính đến lập nghiệp, lập ra thôn xã, phường ấp, phân định địa giới, ruộng đất, lập ra tô thuế, xây dựng đình điền hộ tịch.” Đối với con cháu người Hoa thì lập xã Thanh Hà (ở Trấn Biên) và xã Minh Hương ở Phiên Trấn “rời cho phép vào hộ tịch”¹⁴. Với sự kiện này vùng đất Bình Dương chính thức trở thành một đơn vị hành chính của chính quyền Đảng Trong. Theo ghi chép của bộ sử nhà Nguyễn lúc này lưu dân người Việt ở vùng Đồng Nai - Gia Định có 4 vạn hộ (khoảng hơn 200.000 người). Khi mới thành lập dinh Trấn Biên quản 1 huyện là Phước Long gồm 4 tổng Tân Chánh (sau đổi thành Phước Chánh), Bình An, Long Thành, Phước An. Địa phận tổng Bình An bây giờ chính là phần lãnh thổ của 2 tỉnh Bình Dương, Bình Phước hiện nay. Trong đó địa phận tỉnh Bình Dương là vùng đất nằm ở phía Nam của tổng Bình An. Với việc ở một lãnh thổ rộng lớn như vậy nhưng chỉ lập một tổng chứng tỏ rằng lưu dân người Việt lúc này định cư còn ít, sống rải rác. Tuy nhiên với việc đất nay thuộc Bình Dương (cùng với Bình Phước) đã được lập thành 1 tổng của huyện Phước Long, có thể thấy đây cũng là một trong những nơi mà người Việt tìm đến sớm nhất ở Nam Bộ, cùng với: Mô Xoài (Bà Rịa), Đồng Nai, Bến Nghé... Vùng đất này có điều kiện tương đối phù hợp cho việc định cư, khai phá của cư dân người Việt trong giai đoạn đầu. Những dòng dân lưu tán bởi chiến tranh, bởi trốn tránh chính quyền chủ yếu theo đường biển đi vào phương nam, cập bến những cửa biển, đi vào những cửa sông ở Nam Bộ. Bình Dương xưa vốn là hợp lưu của 2 con sông Phước Long (sông Đồng Nai) và sông Tân Bình (sông Sài Gòn). Những lưu dân người Việt từ vùng Sài Gòn – Bến Nghé, từ Trấn Biên có thể dễ dàng ngược sông Tân Bình, sông Phước Long lên Lái Thiêu, Tân Uyên, Thủ Dầu Một...khai phá đất đai, thiết lập thôn xóm

Từ sau năm Mậu Dần (1698), lưu dân người Việt tìm đến vùng đất Bình Dương ngày càng đông đảo hơn. Diện mạo cảnh quan tự nhiên được thay đổi nhanh chóng với sự xuất hiện các cụm dân cư buổi đầu được gọi bằng các đơn vị, như: trại, man, nậu...về sau đổi

¹⁴ Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định Thành Thông Chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Tổng Hợp Đồng Nai,

lại thành thôn, xóm, ấp. Những khu vực thuộc rừng Lái Thiêu, Tân Khánh, xung quanh khu vực Thủ Dầu Một, khu vực Tân Uyên... dân cư tập trung ngày càng đông đúc hơn. Những mảng rừng rậm rạp trước kia được khai khẩn thành từng khoảng ruộng để xây dựng thôn xóm. Những làng xóm đầu tiên đã được thiết lập ven các dòng sông, kênh rạch từ vùng Lái Thiêu qua Thủ Dầu Một lên đến tận Dầu Tiếng, Thanh Tuyển. Những tên làng xóm ban đầu được người Việt gọi nôm na sau này trở thành địa danh. Ở khu vực Lái Thiêu có một số tên thôn ấp, như: Cây Me (sau này là Bình Nhan Đông), Suối Sâu (sau này là An Thạnh thôn), Cầu Kè (sau là Hòa Thạnh thôn), Ghe Tám (sau là Hưng Định thôn)¹⁵...

Ở khu vực xung quanh Thủ Dầu Một có một số thôn xóm mới cũng được thành lập như:

- Xóm Dầu Dặc và An Nhất Thuyền (đơn vị quân đội đồn trú địa phương). Nay thuộc khu vực từ chợ Thủ Dầu Một đến thành Quan.

- Xóm Suối Sâu và Mẩn Duệ, tức Bình Phước Thôn, nay thuộc một phần của phường Chánh Nghĩa và phường Phú Thọ.

- Xóm Bến Xe, ở phường Phú Lợi hiện nay. Bến xe ở đây là bến xe trâu, xe ngựa đi các nơi chợ, kéo cây tre, gỗ mây...

- Xóm Dầu Vàng, nay thuộc phường Phú Lợi.

- Xóm Cây Sung, nay thuộc khu vực giáp ranh giữa phường Chánh Nghĩa và phường Phú Cường¹⁶.

Như vậy có thể thấy ở thế kỷ XVII-XVIII, lưu dân người Việt đã đến định cư, khai phá đất đai và bước đầu thiết lập nên những thôn xóm đầu tiên. Tuy nhiên, nhìn chung

¹⁵ Xem: Nguyễn Đình Đầu, Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Biên Hòa, NXB. Tp HCM, 1994, tr.83-84.

¹⁶ Huỳnh Ngọc Đáng (1990), *Phú Cường, Lịch sử văn hóa và truyền thống cách mạng*, Nhà in báo quân đội, tp Hồ Chí Minh, tr.14

trong giai đoạn này số lượng lưu dân người Việt ở Bình Dương còn ít, họ cộng cư cùng với các cộng đồng cư dân đã định cư ở đây từ trước (người Mạ, Châu Ro, Stiêng...) để khai phá đất đai, lập chợ, trao đổi hàng hóa... Dần dần do tập quán sinh hoạt, các cộng đồng cư dân này đã lùi dần ngược lên sinh sống ở những vùng cao hơn (Bình Phước, Tây Nguyên...) ¹⁷.

2. Quá trình khai phá vùng đất Bình Dương cho đến đầu thế kỷ XX

Năm 1802, sau khi đánh bại phong trào Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi lập ra vương triều Nguyễn. Nhà Nguyễn ra đời đã lập nên một thiết chế quản lý đất nước thống nhất từ Bắc tới Nam. Lúc đầu vùng đất Gia Định được chia thành các trấn thuộc Gia Định thành. *“Thành có nhiệm vụ trông coi các việc binh dân, thuế dịch, và hình án của năm trấn: Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh, Định Tường và Hà Tiên, đồng thời còn kiêm lãnh đạo từ xa thêm trấn Bình Thuận ở phía bắc. Phàm việc binh thì do thành chỉ huy, còn các việc thuế dịch, hình án khác thì các trấn tự sắp đặt”* ¹⁸. Lúc này vùng đất Bình Dương vẫn thuộc tổng Bình An của Trấn Biên.

Đến năm Gia Long thứ 7 (1808), tổng Bình An được cải làm huyện (Phước Long đổi làm phủ, Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa). Bấy giờ huyện Bình An có 2 tổng là An Thủy và Bình Chánh. Trịnh Hoài Đức chép: huyện Bình An (trước là tổng nay đổi thành huyện) *“Gồm 2 tổng, 119 xã thôn, phường, ấp, xóm. Phía đông giáp các sách man ở thượng nguồn Bãng Bột (Thủy Vọt); Nam giáp Bình Giang (sông Sài Gòn) của trấn Phiên An; Bắc giáp núi Châu Thới thuộc tổng Chánh Mỹ, huyện Phước Chánh, kéo đến sông Thị Kiên xứ Ba Đốc”* ¹⁹. Như vậy có thể thấy, địa giới của huyện Bình An lúc này rất

¹⁷ Theo các nguồn sử liệu vào thế kỷ XVI, người Mạ, Stiêng, Châu Ro... đã định cư ở ở khu vực vùng Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước. Đây được xem là những nhóm cư dân bản địa ở vùng đất này trước khi người Việt đến định cư.

¹⁸ Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định Thành Thông Chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Tổng Hợp Đồng Nai, Tr.120

¹⁹ Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định Thành Thông Chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Tổng Hợp Đồng Nai, Tr..135

rộng (tương ứng phần lớn vùng đất Bình Dương, một phần của tỉnh Bình Phước và quận Thủ Đức và quận 9 của thành phố Hồ Chí Minh hiện nay). Vùng đất Bình Dương chủ yếu nằm trong tổng Bình Chánh, “gồm 50 xã thôn, ấp phường, phía đông giáp xứ Ba Đốc tổng An Thủy, đến gò Sông Trà; Tây giáp các sách man ở nguồn Băng Bột (Thủy Vọt); Nam giáp Bình Giang (sông Sài Gòn) thuộc trấn Phiên An; Bắc giáp sông Thị Kiên xứ Ba Đốc thuộc tổng Chánh Mỹ, huyện Phước Chánh”²⁰.

Sang thời kỳ Minh Mạng, công cuộc khai phá vùng đất Bình An được đẩy mạnh. Năm Minh Mạng thứ 2 (1821), huyện Bình An từ 2 tổng tăng lên 8 tổng: Bình Chánh Thượng, Bình Chánh Hạ, Bình Chánh Trung, Bình Chánh Tây, An Thủy Đông, An Thủy Thượng, An Thủy Trung, An Thủy Hạ²¹. Trong *Gia Định thành thông chí* Trịnh Hoài Đức viết như sau: “*Huyện Bình An, công việc đơn giản, lý sở ở ấp Phước Lợi, tổng Bình Chánh, quy mô huyện như trước*”²². Tác phẩm *Gia Định thành thông chí* được biên soạn trong các năm 1820 đến 1822. Như vậy, thời điểm này quy mô huyện Bình An (trong đó có vùng đất Bình Dương) vẫn giống như trước đây.

Năm 1832, vua Minh Mạng bỏ Gia Định Thành, bỏ trấn, lập ra xứ Nam Kỳ chia thành 6 tỉnh: tỉnh Biên Hòa, tỉnh Phiên An, tỉnh Định Tường, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh An Giang và tỉnh Hà Tiên. Vùng đất Bình Dương thuộc tỉnh Biên Hòa, địa phận huyện Bình An. Năm 1836, sau khi đàn áp xong cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi, vua Minh Mạng cử phái đoàn do 2 viên quan đại thần: Trương Minh Giảng và Trương Đăng Quế dẫn đầu vào Nam để đo đạc lại đất đai và lập sổ địa bạ của cả vùng Nam bộ. Trong *Phương Đình Di* địa chí, Nguyễn Siêu ghi chép tương đối cụ thể hơn về huyện Bình An thời kỳ này:

²⁰ Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định Thành Thông Chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Tổng Hợp Đồng Nai, Tr.136

²¹ Công ty nghiên cứu về Đông Dương, *Địa chí tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Bà Rịa*, Lê Tùng Hiếu và Nguyễn Văn Phúc biên dịch, Nxb Đồng Nai, Tr.12.

²² Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định Thành Thông Chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Tổng Hợp Đồng Nai, Tr.233

“*Bình An xưa là đất Chân Lạp, triều Nguyễn mới đặt thuộc tổng Bình An huyện Phước Long, phủ Gia Định. Năm thứ 7 niên hiệu Gia Long thăng làm huyện thuộc vào phủ. Năm thứ 2 niên hiệu Minh Mạng, chia làm 4 tổng, năm thứ 18 (Minh Mạng) trích tổng An Thủy và Bình Chánh Hạ đặt thành huyện Nghĩ An. Còn 3 tổng Bình Chánh (còn lại) đổi làm Bình Chánh, Bình Điền, Bình Thổ, Nguyên An Lợi, lấy 10 sách man chia làm 2 tổng là Cửu An và Quảng Lợi, lĩnh 6 tổng, 58 xã thôn...*”²³. Như vậy đến năm Minh Mạng 18 (1837), 1 năm sau cuộc đại kinh lý kiểm tra địa bạ của Trương Đăng Quế, Trương Minh Giảng ở Nam bộ, huyện Bình An cũng có sự thay đổi lớn về địa giới và tổ chức hành chính. Trung tâm của huyện Bình An (thành phố Thủ Dầu Một hiện nay) đã tương đối sầm uất, có nhiều lưu dân người Việt đến đây định cư, thiết lập thôn xóm, hình thành chợ búa. Các sử gia nhà Nguyễn miêu tả về huyện Bình An thời kỳ này như sau: “*ở cách phủ 30 dặm lệch về phía Tây Nam, đông tây cách nhau 21 dặm, năm bắc cách nhau 49 dặm, phía đông đến địa giới huyện Nghĩ An 49 dặm, phía tây đến địa giới huyện Bình Giang tỉnh Gia Định 2 dặm, phía nam đến địa giới huyện Bình Giang tỉnh Gia Định 7 dặm, phía bắc đến lâm quận huyện Phước Bình 42 dặm*”²⁴

Qua các thời kỳ sau dân số ngày càng tăng lên (do nhập cư, do sinh sôi nảy nở), đất hoang không ngừng được mở rộng thêm. Đến thời Thiệu Trị, theo ghi chép của *Đại Nam nhất thống chí*, địa giới huyện Bình An được chia lại bao gồm 6 tổng, 58 thôn xã²⁵. Cũng theo bộ *Đại Nam nhất thống chí*, huyện thành Bình An được đặt ở trung tâm của vùng đất Bình Dương hiện nay: “*...Huyện trị Bình An chu vi dài 30 trượng, rào bằng gỗ, ở địa phận thôn Phú Cường*”²⁶. Như vậy có thể thấy, giai đoạn này thôn Phú Cường (thành phố

²³ Huỳnh Ngọc Đáng (1990), *Phú Cường, Lịch sử văn hóa và truyền thống cách mạng*, Nhà in báo quân đội, tp Hồ Chí Minh, tr.117

²⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006) *Đại Nam nhất thống chí*. Tập 5. Huế: Nxb Thuận Hóa, tr.42

²⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006) *Đại Nam nhất thống chí*. Tập 5. Huế: Nxb Thuận Hóa, tr.42

²⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006) *Đại Nam nhất thống chí*. Tập 5. Huế: Nxb Thuận Hóa, tr.49

Thủ Dầu Một hiện nay) dân cư đã rất đông đúc, sầm uất là trung tâm của cả huyện Bình An.

Bên cạnh những lưu dân người Việt, lưu dân người Hoa cũng đã tìm đến vùng đất Bình Dương định cư, phát triển thủ công nghiệp và buôn bán. Ở khu vực Lái Thiêu do ở gần trung tâm tỉnh thành Gia Định, người Hoa đến định cư buôn bán, sản xuất đồ gốm ở đây từ khoảng thập niên 40 của thế kỷ XIX. Dựa vào niên đại năm 1843 trên bức hoành phi tại Phú Tân Hội (miếu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu sớm nhất của người Hoa ở Lái Thiêu)²⁷ có thể khẳng định người Hoa có mặt ở đây trước năm 1843. Điều này tương đối phù hợp với ghi chép trong *Đại Nam nhất thống chí* khi nói về huyện Bình An: “vào năm Thiệu Trị thứ 6 (năm 1846) lại chia tổng Bình Thỏ, đặt tổng Bình Lâm nay lãnh 6 tổng, 58 xã thôn, ấp, 2 bang người Thanh”²⁸. Ở trung tâm của huyện Bình An, Người Hoa đã đến định cư từ giữa thế kỷ XIX, cả ở khu vực chợ Thủ và khu Lò Chén đã có cả Quảng Đông, Triều Châu, Khách Gia và Phúc Kiến. Trong đó, nhóm cộng đồng Phúc Kiến ở đây là đông đảo nhất, sống tập trung nhất và định cư ở khu vực Phú Cường (Thủ Dầu Một hiện nay) sớm nhất. Vào khoảng trước năm 1850, nhóm cộng đồng người Hoa Phúc Kiến ở Thủ Dầu Một đã hình thành. Địa điểm tụ cư đầu tiên là khu vực Lò Chén, lúc đó thuộc thôn Phú Cường, lỵ sở huyện Bình An thời nhà Nguyễn (nay là phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một). Người Phúc Kiến với ngành nghề truyền thống gốm sứ đã chọn Bình Dương là nơi định cư bởi những điều kiện thuận lợi về an ninh, nguồn nguyên liệu, giao thông thủy bộ để vận chuyển hàng hóa đi các tỉnh miền Tây và xứ Cao Miên.

Sau khi chiếm được 3 tỉnh Miền Đông Nam Kỳ (5/6/1862), để cho thuận tiện trong việc quản lý, thực dân Pháp phân định lại ranh giới hành chính. Lúc này tỉnh Biên Hòa quản hai phủ Phước Long và Phước Tuy, trong đó phủ Phước Long quản hai huyện Phước Chánh và Bình An. Đến ngày 31/12/1862, thực dân Pháp giải thể 3 huyện: Phước

²⁷ Huỳnh Ngọc Đáng (chủ biên), 2012, *Người Hoa ở Bình Dương*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.79.

²⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006) *Đại Nam nhất thống chí*. Tập 5. Huế: Nxb Thuận Hóa, tr.43

Bình, Ngãi An, Long Khánh, rồi lấy tổng Chánh Mỹ Hạ của huyện Phước Bình sáp nhập vào huyện Phước Chánh và lấy huyện Ngãi An sáp nhập vào huyện Bình An²⁹. Theo tổng hợp của Nguyễn Đình Đầu: huyện Bình An lúc này có 9 tổng, 87 xã thôn, huyện lỵ lúc này đóng tại Búng³⁰. Đến năm 1867, Pháp chia Biên Hòa thành 5 địa hạt hành chính. Địa hạt Bình An lúc đó có 7 tổng, lỵ sở lại dời về đặt tại Phú Cường (thành phố Thủ Dầu Một hiện nay). Nơi đây được Pháp xây dựng một trường sơ học với 35 học sinh vừa học chữ Pháp, vừa học chữ Quốc ngữ³¹. Sau khi chiếm hoàn toàn Nam Kỳ lục tỉnh, Pháp chia Nam Kỳ thành 27 hạt tham biện, địa hạt Thủ Dầu Một chính thức xuất hiện³². Đến năm

²⁹ Hồ Sơ Diệp (chủ biên) (2012), *Thủ Dầu Một Bình Dương đất nước con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.106

³⁰ Nguyễn Đình Đầu (1994), *ngiên cứu địa bạ triều Nguyễn, Biên Hòa*, Nxb Tp Hồ Chí Minh, tr.88-89

³¹ Huỳnh Ngọc Đáng (1990), *Phú Cường, Lịch sử văn hóa và truyền thống cách mạng*, Nhà in báo quân đội, tp Hồ Chí Minh, tr.24.

³² Về tên gọi “Thủ Dầu Một”, có nhiều ý kiến hiện vẫn chưa có sự đồng nhất. Đa phần các học giả đều cho rằng “Thủ Dầu Một” là: Thủ (đồn lính) có 1 cây dầu lớn. Trong Địa chí tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Bà Rịa, người Pháp chép về xuất xứ tên gọi này như sau: “tên tỉnh Thủ Dầu Một thông thường được là Thu-do-mot. Tên này gồm có 3 chữ được viết đúng phiên ra chữ Quốc ngữ là Thủ Dầu Một. Tên này gồm có ba chữ được viết theo cú pháp Hán tự “Một – dầu – thủ” có nghĩa là “trạm có cây dầu duy nhất (cây dầu là cây có dầu rất phổ biến trong vùng)” [Công ty nghiên cứu về Đông Dương, *Địa chí tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Bà Rịa*, Nxb Đồng Nai, tr.11]. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu cho rằng: trong bài viết phác thảo về quá trình khai phá vùng đất Thủ Dầu Một – Bình Dương đã nhấn mạnh: “*Trong địa phận làng này xưa có thủ sở gần cây dầu lớn nhất*” [UBND Tỉnh Bình Dương, 1998, Kỷ yếu hội thảo khoa học: “Thủ Dầu Một – Bình Dương 300 năm hình thành và phát triển”, tr.69]; nhà nghiên cứu Nguyễn Hiếu Học cũng đồng quan điểm khi cho rằng: “...Còn từ “thủ” là đồn binh trấn giữ, hay “thủ” là “thủ sở” ghép với “dầu một” thành Thủ Dầu Một vì từ xưa đến nay vẫn là lỵ sở của đất Bình An – TDM, hay Sông Bé – Bình Dương” [Nguyễn Hiếu Học, 2009, *Dấu xưa đất Thủ*, nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, tr.13]; Nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Lợi trên cơ sở phân tích nhiều nguồn tư liệu cũng đồng ý thuyết: địa danh Thủ Dầu Một là địa danh thuần Việt được ghép theo phương thức: thủ (đồn, trạm) + tên thực vật + số từ [Nguyễn Thanh Lợi, 2018, *Những trầm tích địa danh*, Nxb Văn hóa văn nghệ, tr. 177]... Tuy nhiên theo TS. Huỳnh Ngọc Đáng người ta chỉ gọi Dầu đôi, hay 1 dầu (số lượng trước, danh từ sau, kiểu như Một cột), từ “Dầu Một” có thể là cách nói sai đi của từ “Băng Bột” được nhắc đến nhiều lần trong *Gia Định Thành thông Chí*, *Đại Nam nhất thống chí*... về “Băng Bột Giang” (*Gia Định Thành thông Chí*, tr.35), nguồn Băng Bột (Thủy Vọt) (*Gia Định Thành thông Chí*, tr. 136)... Điều này cần có thêm nhiều nghiên cứu, với nhiều nguồn tư liệu để có thể đi tới khẳng định.

1871, Thủ Dầu Một có tất cả 10 tổng với 91 xã thôn. Lị sở của hạt này vẫn đặt ở Phú Cường. Ngày 20 tháng 12 năm 1889, hạt Thủ Dầu Một đổi thành tỉnh Thủ Dầu Một, với tổng cộng 12 tổng và 119 làng. Phú Cường vẫn là tỉnh lị của Thủ Dầu Một. Làng Phú Cường lúc đó thuộc tổng Bình Điền và có vị trí giới hạn như sau: Bắc giáp làng Chánh Hiệp, Nam giáp sông Bà Lụa và làng An Thạnh, Đông giáp làng Phú Hòa, Tây giáp sông Sài Gòn. Diện tích khoảng 11,9 km², dân số khoảng 5000 người³³.

Như vậy, cùng với quá trình người Việt tiến xuống phương nam khai phá vùng đất Nam Bộ, vùng đất Bình Dương gắn với lịch sử khai hoang lập ấp từ những ngày đầu. Cho đến khi lập nên Trấn Biên dinh và Phiên Trấn Dinh thì tổng Bình An đã được nhập vào lãnh thổ Đàng Trong của chúa Nguyễn. Sang thời kỳ nhà Nguyễn (thế kỷ XIX) lãnh thổ Bình An không ngừng được mở rộng, và có sự thay đổi về địa giới hành chính. Từ tổng Bình An còn hoang vu chủ yếu rừng rậm trong buổi đầu cho đến tỉnh Thủ Dầu Một ở cuối thế kỷ XIX là biết bao mồ hôi, công sức của các cộng đồng cư dân nơi đây đã đổ xuống trong quá trình lịch sử.

³³ Huỳnh Ngọc Đáng (1990), *Phú Cường, Lịch sử văn hóa và truyền thống cách mạng*, Nhà in báo quân đội, tp Hồ Chí Minh, tr.25

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.Leclere (1914), *Histoire du Cambodge*, Paris: Bulletin de l'Ecole française d'Extrême - Orient Paris
2. Cristophoro Bori (2014), *Xứ Đàng Trong 1621*, Hồng Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, chú thích, TP Hồ Chí Minh: Nxb TP Hồ Chí Minh
3. Công ty nghiên cứu về Đông Dương, *Địa chí tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Bà Rịa*, Lê Tùng Hiếu và Nguyễn Văn Phúc biên dịch, Nxb Đồng Nai
4. Cristophoro Bori (2014), *Xứ Đàng Trong 1621*, Hồng Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, chú thích, TP Hồ Chí Minh: Nxb TP Hồ Chí Minh.
5. Huỳnh Ngọc Đáng (1990), *Phủ Cường, Lịch sử văn hóa và truyền thống cách mạng*, Nhà in báo quân đội, tp Hồ Chí Minh
6. Nguyễn Đình Đầu, Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Biên Hòa, NXB. Tp HCM, 1994
7. Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Viện Sử học dịch. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội
8. Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định thành thống chí*, Lý Việt Dũng dịch, Nxb Tổng hợp Đồng Nai., Biên Hòa
9. Nguyễn Hiếu Học, 2009, *Dấu xưa đất Thủ*, nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh
10. J.Morau, (1883). *Royaume de Cambodge*, Tome II, Paris.
11. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong 1558 – 1777: cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Hà Nội: Nxb Văn học
12. Nguyễn Thanh Lợi, 2018, *Những trầm tích địa danh*, Nxb Văn hóa văn nghệ.
13. Chu Đạt Quan. (2006). *Chân Lạp phong thổ kí*. Hà Nội: Nxb Thế giới
14. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006) *Đại Nam nhất thống chí*. Tập 5. Huế: Nxb Thuận Hóa.

15. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Hà Nội: Nxb giáo dục.